

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC HÓA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/DS-ST

Ngày: 23-7-2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HÓA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Loan

2. Ông Lê Văn Nhữn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 80/2020/TLST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2020/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị V, sinh năm 1971; Địa chỉ: huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Kim N, sinh năm 1980 và ông Hồ Thanh X, sinh năm 1974; Cùng địa chỉ: huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Bà V và bà N có mặt. Ông X vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trần Thị V trình bày: Vợ chồng bà N có vay tiền của bà V 02 lần cụ thể: Ngày 04/11/2019 âm lịch, vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 10 ngày, thỏa thuận bằng lời nói lãi suất là 5%/tháng. Ngày 18/11/2019 âm lịch, vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay là 10 ngày, thỏa thuận bằng lời nói lãi suất là 5%/tháng. Đến hạn trả nợ, bà N không có trả nợ theo đúng thỏa thuận, bà N có trả lãi khoảng 02 - 03 tháng nhưng bà V không nhớ rõ nên không xác định được tiền

lãi bà N đã trả. Tổng cộng bà N còn nợ bà V số tiền 70.000.000 đồng. Bà V khởi kiện yêu cầu bà N và ông X liên đới trả số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bà V khởi kiện yêu cầu ông X liên đới trả nợ vì ông X là chồng của bà N nên phải có trách nhiệm liên đới.

- Theo lời khai trong quá trình xét xử, bị đơn bà Nguyễn Kim N trình bày: Bà N thống nhất có vay tiền của bà V 02 lần vào ngày 04/11/2019 âm lịch và ngày 28/11/2019 âm lịch với tổng số tiền gốc là 70.000.000 đồng, thời hạn vay theo biên nhận là 10 ngày nhưng nếu bà N trả lãi hằng ngày đúng hạn thì tiếp tục được gia hạn thời gian trả nợ gốc, hai bên thỏa thuận bằng lời nói lãi suất là 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, khi vay tiền bà N có ký tên vào biên nhận nợ ngày 04/11/2019 âm lịch và ngày 28/11/2019 âm lịch. Sau khi vay bà N đã trả lãi tổng cộng là 25.200.000 đồng, sau đó không có tiền trả lãi nữa nên bà V yêu cầu trả nợ gốc nhưng bà N không có tiền trả và kéo dài cho đến nay. Việc vay tiền chỉ có bà N vay và ký nhận nợ với bà V, riêng ông X không biết và không có vay tiền của bà V nên ông X sẽ không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Tiền vay bà N dùng để sử dụng trả nợ đối với những khoản nợ vay, nợ hui từ những năm trước.

Qua yêu cầu khởi kiện của bà V thì bà N đồng ý trả nợ gốc là 70.000.000 đồng, khi nào bà N bán đất được thì sẽ trả vì hiện nay bà N không có tiền trả. Đối với tiền lãi bà N đã trả là do tự nguyện thỏa thuận, bà N không yêu cầu Tòa án xem xét về tiền lãi đã trả. Đối với yêu cầu ông X liên đới trả nợ thì bà N không đồng ý vì ông X không biết việc bà N vay tiền của bà V, ông X không có cùng vay tiền. Ông X đồng ý cho bà N bán đất để trả nợ tuy nhiên ông X không đồng ý tham gia tại Tòa án.

- Đối với ông Hồ Thanh X: Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng khác nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Hồ Thanh X vắng mặt và không nộp văn bản thể hiện ý kiến cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Trần Thị V yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Kim N và ông Hồ Thanh X liên đới trả số tiền 70.000.000 đồng. Xét thấy số tiền trên phát sinh từ hợp đồng dân sự là hợp đồng vay tài sản được quy định tại Bộ luật Dân sự và bị đơn cư trú tại huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn ông Hồ Thanh X: Xét thấy ông Hồ Thanh X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai theo quy định nhưng ông X vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Hồ Thanh X.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị V:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Trần Thị V và bà Nguyễn Kim N đã thống nhất bà N có vay tiền của bà V 02 lần với tổng số tiền gốc là 70.000.000 đồng, bà V và bà N thống nhất đã đến hạn trả tiền nhưng bà N chưa trả, bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tại phiên tòa, bà N đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà V, đồng ý trả số tiền gốc là 70.000.000 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét thấy bà N đã thừa nhận và đồng ý trả nợ nên yêu cầu khởi kiện của bà V đối với số tiền vay 70.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Về nghĩa vụ trả nợ, bà V yêu cầu bà N và ông X có nghĩa vụ liên đới trả cho bà V số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng. Bà N cho rằng chỉ có bà N vay tiền và ký nhận nợ với bà V, riêng ông X không biết và không cùng bà N vay tiền nên ông X không có trách nhiệm liên đới trả nợ, tuy nhiên bà N không trình bày được và không chứng minh được sử dụng tiền vay vào mục đích gì cụ thể. Xét thấy bà N và ông X là vợ chồng hợp pháp, số nợ vay phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, ông X biết bà V khởi kiện yêu cầu ông X liên đới trả nợ nhưng ông X không có ý kiến phản đối, ngoài ra theo bà N trình bày mặc dù không đồng ý đến Tòa án nhưng ông X đồng ý cho bà N bán đất để trả nợ cho bà V nên có đủ căn cứ xác định đây là khoản nợ chung của bà N và ông X. Do đó căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần buộc bà N và ông X liên đới trả nợ vay cho bà V.

Bà Nguyễn Kim N đồng ý trả nợ vay là 70.000.000 đồng nhưng đề nghị thời điểm trả là khi nào bà N bán đất được sẽ trả. Xét thấy bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo Điều 466 Bộ luật Dân sự, bà N đề nghị kéo dài thời gian trả tiền là không phù hợp, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà V nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị V đối với bà Nguyễn Kim N và ông Hồ Thanh X. Buộc bà Nguyễn Kim N và ông Hồ Thanh X liên đới trả cho bà Trần Thị V số tiền gốc là 70.000.000 đồng.

[4] Đối với tiền lãi: Bà Trần Thị V và bà Nguyễn Kim N thống nhất thời điểm vay tiền hai bên có thỏa thuận lãi suất và bà N có trả lãi nhưng không thống nhất được mức lãi và số tiền lãi bà N đã trả. Xét thấy bà V và bà N thống nhất bà N tự nguyện trả lãi, bà V không yêu cầu tính lãi và bà N xác định không yêu cầu giải quyết đối với tiền lãi đã trả nên Hội đồng xét xử không xem xét về tiền lãi.

[5] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Bà Trần Thị V và bà Nguyễn Kim N thống nhất khi giao kết hợp đồng vay tài sản các bên không thỏa thuận việc trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, bà V không yêu cầu bà N và ông X trả lãi do chậm trả tiền nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền sau khi xét xử được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Kim N và ông Hồ Thanh X có nghĩa vụ trả tiền nên phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.500.000 đồng (70.000.000 đồng x 5%). Bà Trần Thị V không phải chịu án phí nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 288, 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị V đối với bà Nguyễn Kim N và ông Hồ Thanh X.

Buộc bà Nguyễn Kim N và ông Hồ Thanh X liên đới trả cho bà Trần Thị V số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Kim N và ông Hồ Thanh X có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng) sung vào công quỹ Nhà nước.

Bà Trần Thị V không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà V tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.750.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000039 ngày 17 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị V và bà Nguyễn Kim N có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Hồ Thanh X vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

4. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mộc Hóa;
- Chi cục THADS huyện Mộc Hóa;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Minh Trọng